

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày 23/2/2022

V/v “*Tranh chấp về hợp đồng
mua bán tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Tuấn

Ông Huỳnh Hoàng Nam

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 2 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST - DS, ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hộ kinh doanh cá thể T; Địa chỉ: 85, tổ 3, ấp Kinh A, xã T, huyện H, tỉnh K

Người đại diện hộ kinh doanh: Ông Đặng Văn Đ, sinh năm: 1964; Địa chỉ: 85, tổ 3, ấp Kinh A, xã T, huyện H, tỉnh K (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh Th, sinh năm: 1992; Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện G, tỉnh K theo văn bản ủy quyền ngày 23/3/2021(có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm: 1983 (có mặt).

Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp C, xã L, huyện G, tỉnh K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2021 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh Th trình bày: Hộ kinh doanh cá thể do ông Đặng Văn Đ làm chủ, kinh doanh phân bón vật tư nông nghiệp, vào tháng 09/2020 ông Đặng Văn Đ có bán phân bón thuốc trừ sâu cho vợ chồng anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị Mỹ T, mua rồi trả, trả rồi lại mua. Sau đó, anh L và chị Tn chậm trả tiền cho

ông Đc, ông Đ đã nhiều lần xuống nhà anh L nhắc nhở trả nợ nhưng anh L chỉ hứa mà không trả. Số tiền gốc vợ chồng anh L - chị T còn thiếu tổng cộng 29.160.000 đồng và hứa khi thu hoạch xong vụ khoai sẽ thanh toán đủ cả gốc và lãi nhưng cho đến nay vẫn chưa trả. Tại phiên tòa hôm nay ông Đ xin thay đổi yêu cầu khởi kiện với lý do hai bên kết toán với nhau vào ngày 02/3/2020 số tiền gốc vợ chồng anh L - chị T còn thiếu là 27.110.000 đồng. Ông Đ yêu cầu vợ chồng anh L - chị T trả số tiền gốc còn thiếu 27.110.000 đồng và tính lãi kể từ ngày 03/3/2020 cho đến khi xét xử xong theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2021 anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị Mỹ T thừa nhận có mua phân bón vật tư nông nghiệp của ông Đ đã 05 năm rồi, hai bên tin tưởng nhau, mỗi năm mua hai vụ, khi bán xong ông Đ có ghi cho một cuốn sổ nợ giao cho anh giữ một cuốn. Đến tháng 8/2020 anh tiếp tục mua phân bón của ông Đ và còn thiếu số tiền là 27.110.000 đồng nhưng do ông Đc bán cho anh phân bón kém chất lượng khi sử dụng năng suất thấp, có báo cho ông Đ và yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp nhưng ông Đ không thừa nhận phân kém chất lượng, giữa anh có thương lượng với ông Đ mỗi bên chịu một nửa nhưng ông Đ không đồng ý, dẫn đến phát sinh tranh chấp. Do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn anh chỉ đồng ý trả một nửa số tiền gốc còn thiếu là 13.555.000 đồng, còn phần lãi không có khả năng trả.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các đương sự cũng chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Thời hạn đưa ra xét xử đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng nhận thấy như sau: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 27.110.000 đồng và tính lãi suất là có căn cứ. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay anh L không đưa ra được chứng cứ chứng minh phân bón là giả nên việc ông Đc khởi kiện đối với vợ chồng anh L, chị T là hoàn toàn có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ, buộc vợ chồng anh L - chị Tn trả tiền gốc và lãi cho ông Đ.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung:

Theo như ông Đặng Văn Đ đại diện hộ kinh doanh cá thể T trình bày: Vợ chồng anh L - chị T mua từ trước năm 2020 thiếu nhiều lần cộng dồn và hai bên có kết toán nợ với nhau vào ngày 02/11/2020 nhưng anh L - chị T hứa mà không trả, quá trình mua bán có ghi sổ cái của ông và giao cho anh L cuốn sổ nhỏ để đối chiếu, anh L ký tên vào sổ cái, anh L - chị T cũng thừa nhận số tiền còn thiếu của ông Đ là 27.110.000 đồng. Vợ chồng anh L - chị T cho rằng ông Đ bán phân bón giả khi đưa vào sử dụng thì năng suất chất lượng thấp, vợ chồng anh L đã thương lượng với ông Đ giảm một nửa số tiền và chỉ đồng ý trả 13.555.000 đồng nhưng không được ông Đ đồng ý.

Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của các được sự thì thấy rằng về khoản tiền mua bán vật tư nông nghiệp hai bên đã kết toán thống nhất với nhau. Tuy nhiên, vợ chồng anh L đưa ra lý lẽ cho rằng ông Đ bán phân bón giả nên chỉ đồng ý trả bằng một nửa số tiền còn thiếu nhưng không được ông Đ đồng ý. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu vợ chồng anh L - chị T cung cấp chứng cứ chứng minh, đồng thời làm đơn yêu cầu giám định phân bón để có cơ sở giải quyết vụ kiện nhưng anh L và chị T không đưa ra được chứng cứ chứng minh và cũng không yêu cầu giám định chất lượng phân bón. Vì vậy, không có căn cứ cho rằng phân bón mà ông Đ bán cho vợ chồng anh L - chị T là giả. Do đó, ông Đặng Văn Đ khởi kiện yêu cầu trả số tiền anh L - chị T còn thiếu là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11, Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Về yêu cầu tính lãi: Xét yêu cầu của ông Đ tính lãi theo lãi suất Ngân hàng nhà nước quy định từ ngày 03/11/2020 cho đến ngày xét xử, tại phiên tòa anh L - chị T xin phần lãi do không có khả năng trả nhưng không được ông Đ đồng ý. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”. Cụ thể mức lãi suất 10%/năm; quy đổi tháng 0,83%/tháng. Cách tính lãi như sau:

Tính từ ngày 03/11/2020 cho đến ngày xét xử 23/2/2022 là 11 tháng 20 ngày:
 $27.110.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 2.625.143 \text{ đồng}$

Tổng cộng gốc và lãi anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị Mỹ T phải trả cho ông Đức là: $27.110.000 \text{ đồng} + 2.625.143 \text{ đồng} = 29.735.143 \text{ đồng}$.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 01 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu ông Đ được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Đ theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu án phí có giá ngạch là:
 $29.735.143 \text{ đồng} \times 5\% = 1.486.757 \text{ đồng}$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 11, Điều 440, khoản 2 Điều 462 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh cá thể T đối với anh Trần Văn L, chị Nguyễn Thị Mỹ T.

Xử buộc anh Trần Văn L, chị Nguyễn Thị Mỹ T trả cho Hộ kinh doanh cá thể T số tiền gốc và lãi tính đến ngày 23/2/2022 là: 29.735.143 đồng (hai mươi chín triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Về án phí: Hoàn trả lại cho Hộ kinh doanh cá thể T số tiền tạm ứng án phí là: 730.000 đồng theo biên lai thu tiền số 2368 ngày 19/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Anh Trần Văn L, chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.486.757 đồng (một triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/2/2022) chỉ T được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng

Nguyễn Thị Chuyên